

Số: 179/TB-CTHADS

Thái Bình, ngày 10 tháng 9 năm 2021

**THÔNG BÁO**  
**Về việc đính chính văn bản**

Căn cứ Điều 101 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Quyết định cưỡng chế giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá số 01/QĐ-CTHADS, số 02/QĐ-CTHADS ngày 18/10/2018, số 01/QĐ-CTHADS ngày 08/11/2019 của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 04/2021/HĐDV-ĐGTS ngày 08/4/2021 giữa Công ty Đấu giá hợp danh Lạc Hồng và Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Công văn số 145/CTDVT-2021 ngày 31/8/2021 của Công ty Cổ phần tư vấn và thẩm định giá DVT Việt Nam đính chính một số nội dung trong Chứng thư thẩm định giá số 34/CTDVT-2021 và số 35/CTDVT-2021 ngày 29/3/2021;

Căn cứ Công văn số 146/CTDVT-2021 ngày 31/8/2021 của Công ty Cổ phần tư vấn và thẩm định giá DVT Việt Nam về việc gia hạn chứng thư,

**Cục Thi hành án dân sự (THADS) tỉnh Thái Bình thông báo:**

Đính chính một số nội dung tại Thông báo số 64/TB-CTHADS về việc bán tài sản đấu giá ngày 13/4/2021 của Cục THADS tỉnh Thái Bình, cụ thể như sau:

**1. Tại Mục 1.1 Trang 1 tại Thông báo số 64/TB-CTHADS đã thông báo:**

“Giá khởi điểm: 2.753.519.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu năm trăm mười chín nghìn đồng)”.

Nay đính chính lại là:

“Giá khởi điểm: 2.758.049.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn đồng)”.

**2. Đính chính một số nội dung tại “Danh mục lô tài sản đấu giá 1” ban hành kèm theo Thông báo số 64/TB-CTHADS như sau:**

**2.1. “1. Tại Nhà máy sợi số 9, số 10, số 1, số 6, nhà điều không, thông gió”:**

- Nhà máy sợi 3 nguyên đơn (số 1):

+ STT 34: Tách chi tiết 01 quạt hơi nước hồng + 03 ti vi hồng + 01 quạt công nghiệp bằng sắt nặng 8kg thành các mục:



STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Giá khởi điểm (đồng)
34.1	Quạt hơi nước hồng	Cái	1	50.000	50.000
34.2	Ti vi hồng	Cái	3	30.000	90.000
34.3	Quạt công nghiệp bằng sắt nặng 8kg	Cái	1	80.000	80.000

+ STT 61: Bỏ mục 61 vì đã tính vào cả mục 55.

- Nhà điều không thông gió:

+ Tầng 2, STT 5: Sửa từ ngữ: 64 giá đỡ đồ (0,6 x 1,5 x 2,2m), trên giá có để dây cô roa x 35kg/giá = 2240kg thành 64 giá đỡ đồ kích thước 0,6 x 1,5 x 2,2m;

+ Tầng 2, STT 6: Sửa từ ngữ: Dây cô roa thành Dây cô roa để trên giá đỡ đồ và sửa đơn vị tính bộ thành đồng.

- Nhà máy sợi số 6:

+ Tầng 2, STT 5: Sửa từ ngữ: 77 thùng cát tông nhỏ có trọng lượng 45,3kg/1 thùng thành 77 thùng cát tông nhỏ chứa khối lượng 45,3kg/1 thùng (thùng rỗng);

+ Tầng 2, STT 6: Sửa từ ngữ: 04 thùng cát tông to có trọng lượng 220kg/1 thùng thành 04 thùng cát tông nhỏ chứa khối lượng 220kg/1 thùng (thùng rỗng).

### 2.2. “3. Nhà máy sợi số 8”:

+ STT 17: Sửa từ ngữ: Giá thứ nhất giáp đường đi để các phụ kiện: 700kg thành Giá thứ nhất giáp đường đi để các phụ kiện tổng trọng lượng: 700kg;

+ STT 19: Sửa từ ngữ: Giá thứ 3 để nhiều dây điện và máy ép tâm thanh: 220kg thành Giá thứ 3 để nhiều dây điện và máy ép Tâm Thanh tổng trọng lượng: 220kg;

+ STT 23: Sửa từ ngữ: Giá thứ tư bằng gỗ để dây điện thành Giá thứ tư bằng gỗ để dây điện (dây điện đã cũ hỏng).

### 2.3. “4. Nhà văn phòng”:

- Tầng 1, Gian 3, STT 13: Sửa đơn vị tính: Cái thành Bộ;

- Tầng 2, Gian 1, STT 4: Sửa từ ngữ: Khăn bông và vải trong tủ kính có khối lượng 128kg thành Khăn bông và vải trong tủ kính có khối lượng (02×128kg) và sửa đơn vị tính từ cái thành kg và sửa đơn giá 2.560.000 thành 20.000.

### 2.4. “5. Nhà máy sợi số 07 (Tầng 1)”:

- Giá để hàng bằng sắt V5 bề mặt bằng gỗ cũ gồm:

STT 3: Sửa khối lượng 1 cái thành 2 cái.

- Mô tơ gồm:

+ STT 17: Sửa số lượng 1 cái thành 2 cái;

+ STT 32: Sửa số lượng 1 cái thành 11 cái;

+ STT 74: Sửa số lượng 1 cái thành 11 cái.

### 2.5. “8. Nhà cơ khí – Nhà máy sợi”:

- Nhà cơ khí, STT 4: Sửa đơn vị tính: Cái thành Quả.

- Nhà máy sợi:

+ STT 3: Sửa đơn vị tính: Cái thành Kg;

+ STT 13: Sửa từ ngữ: Thép cây  $(3,6m \times 1,3m \times 1,35m) + (1,55m \times 0,4m \times 1,1m) = 7m^3$  thành Gỗ đã xẻ qua sử dụng  $(3,6m \times 1,3m \times 1,35m) + (1,55m \times 0,4m \times 1,1m) = 7m^3$ ;

+ STT 14: Sửa từ ngữ: Thép cây  $(2,15m \times 0,9m \times 0,3m) + (2,95m \times 1,4m \times 0,45m) = 2,43m^3$  thành Gỗ đã xẻ qua sử dụng  $(2,15m \times 0,9m \times 0,3m) + (2,95m \times 1,4m \times 0,45m) = 2,43m^3$ ;

+ STT 15: Sửa từ ngữ: Thép cây  $(1,55m \times 0,3m \times 0,8m) + (0,3m \times 1,15m \times 1,2m) = 4,512 m^3$  thành Gỗ đã xẻ qua sử dụng  $(1,55m \times 0,3m \times 0,8m) + (0,3m \times 1,15m \times 1,2m) = 4,512 m^3$ ;

+ STT 16: Sửa từ ngữ: Thép cây  $(2,8m \times 1,35m \times 1,15m) = 4,347 m^3$  thành Gỗ đã xẻ qua sử dụng  $(2,8m \times 1,35m \times 1,15m) = 4,347 m^3$ ;

+ STT 21: Sửa đơn vị tính: m<sup>3</sup> thành bộ và số lượng 5 thành 4.

- Nhà máy sợi số 5:

+ A. Khoang số 1, Bổ sung thêm STT 9:

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Giá khởi điểm (đồng)
9	02 mô tơ và linh kiện tháo rời bên ngoài	kg	100	10.000	1.000.000

+ B. Khoang số 2, STT 18: Sửa từ ngữ: 01 giá để có 01 mô tơ quạt gió thành 01 giá để có 01 mô tơ quạt gió tổng trọng lượng 600kg.

**2.6. “10. Nhà máy hoàn thiện sản phẩm (3 tầng): (giáp nhà in hoa, nhà máy sợi số 5 và mương nước)”:**

- Tầng 1:

+ STT 8: Sửa số lượng: 1,6 thành 24;

+ STT 20: Sửa từ ngữ: 01 lô vải bằng sắt dài 2m nặng 400kg thành 01 quả lô cuộn vải bằng sắt dài 2m nặng 400kg.

- Tầng 3:

+ STT 2: Sửa đơn vị tính kg thành cái và khối lượng 100 thành 04 và sửa đơn giá 6.000 thành 150.000;

+ STT 9: Sửa giá trị 500.000 thành 2.100.000.

**2.7. “12. Nhà hoàn thiện sản phẩm (giáp nhà in hoa, đối diện bể nước)”:**

- STT 4: Sửa khối lượng 2 thành 1;

- STT 31: Sửa từ ngữ: Khăn mặt 6kg x 22 bó = 123kg thành Khăn mặt 6kg x 22 bó = 132 kg, sửa số lượng 123 thành 132.

**3. Tại Mục 1.2 Trang 2 tại Thông báo số 64/TB-CTHADS đã thông báo:**

“Giá khởi điểm: 1.056.062.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ không trăm năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng)”.



Nay đính chính lại là:

“Giá khởi điểm: 999.312.000 đồng (Chín trăm chín mươi chín triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng)”.

**4. Đính chính một số nội dung tại “Danh mục lô tài sản đấu giá 2” ban hành kèm theo Thông báo số 64/TB-CTHADS như sau:**

**4.1. “I. Nhà bảo vệ, nhà giới thiệu sản phẩm”:**

- STT 28: Sửa số lượng 1 thành 2.

**4.2. “II. Nhà máy Mắc hồ nhuộm”:**

D. Các tài sản khác:

+ STT 44: Sửa từ ngữ: 08 vỏ hộp sắt x 30kg = 240kg thành 01 vỏ hộp sắt x 30kg = 30kg và sửa khối lượng 240 thành 30;

+ STT 77: Sửa số lượng 3.220 thành 3.020;

+ STT 92: Sửa số lượng 9.500 thành 500.

**4.3. “III. Một phần Nhà máy sợi số 2”:**

- A. Tầng 1:

+ STT 13: Sửa từ ngữ: 02 bao cuộn chỉ loại 1kg/1cuộn thành 02 bao cuộn chỉ loại 1kg/1cuộn (02 bao chứa chỉ cuộn 1kg/cuộn tổng bằng 60kg);

+ STT 21: Sửa từ ngữ: Hàng B40 cao 2,4mx(6,1mx4)+5m=2,4x29,4m thành Hàng rào B40 cao 2,4mx(6,1mx4)+5m=2,4x29,4m.

- B. Tầng 2:

+ STT 2: Sửa từ ngữ: Loại đường kính 38cm, cao 90cm số lượng: 1050 cái thành Lõi cuộn vải cuộn 2 đầu bằng thép, giấy ép gồm loại đường kính 38cm, cao 90cm số lượng: 1050 cái;

+ STT 3: Sửa từ ngữ: Loại đường kính 53cm, cao 105cm số lượng: 278 cái thành Lõi cuộn vải cuộn 2 đầu bằng thép, giấy ép gồm loại đường kính 53cm, cao 105cm số lượng: 278 cái;

+ STT 4: Sửa từ ngữ: Loại đường kính 40cm, cao 90cm số lượng: 790 cái thành Lõi cuộn vải cuộn 2 đầu bằng thép, giấy ép gồm loại đường kính 40cm, cao 90cm số lượng: 790 cái.

Vậy, Cục THADS tỉnh Thái Bình xin đính chính và thông báo để các cơ quan, tổ chức, cá nhân biết, thực hiện quyền và nghĩa vụ./.

**Nơi nhận:**

- Các tổ chức, cá nhân có tài sản bị niêm phong, giao bảo quản ngày 01/11/2018 và ngày 21/11/2019 (để biết);
- Công ty đấu giá hợp danh Lạc Hồng (để biết, thực hiện);
- Niêm yết công khai;
- Trang TTĐT Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình (để kiểm sát);
- Cục trưởng Cục THADS tỉnh Thái Bình (để b/c);
- Lưu: VT, HSTHA.

**CHẤP HÀNH VIÊN**



**Ngô Quang Toàn**